TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 23/4/2019
V/ v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Y Phi Kbuôr.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường.

Ông Doãn Đình Quyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2019/TLPT-HNGĐ ngày 23/01/2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn*".

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 154/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2019/QĐPT-DS ngày 04/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1983, (có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thái B, sinh năm 1978, (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Thái B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

**** Nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:***

Chị H và anh Nguyễn Thái B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 01/10/2013 nhưng đến nay chưa có con chung.

Quá trình duy trì hôn nhân, vợ chồng chị H, anh B sống hạnh phúc được 06 tháng đầu nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình vợ chồng trái ngược, thường xuyên bất đồng trong vấn đề quản lý chi tiêu kinh tế của gia đình nên vợ chồng hay cải vã nhau. Chị H thường xuyên phải đi làm xa nhà nên vợ chồng cũng ít có thời gian gần gũi, chia sẻ, anh B cũng đôi lúc bực bội nên dẫn tới vợ chồng thường hay cãi nhau. Do đó, cuộc sống của vợ chồng ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cụ thể là từ cuối tháng 12 năm 2016 cho đến nay chị H và anh B đã sống ly thân. Do vậy, đến nay tình cảm giữa hai vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được nữa, nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thái B.

Về con chung: Hai vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng anh chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị.

**** Bị đơn anh Nguyễn Thái B:*** Tại Tòa án cấp sơ thẩm, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B không đến Tòa án làm việc. Do đó, không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa, anh B trình bày: Anh và chị Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Năm 2013, anh chị đăng ký kết hôn tại phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, đến năm 2016 trở đi thì vợ chồng sống không hạnh phúc, thỉnh thoảng có cải nhau. Nay chị H làm đơn xin ly hôn thì anh B không đồng ý, lý do là anh còn thương chị H. Anh B và chị H chưa có con chung; về tài sản chung có một căn nhà ở huyện Buôn Đôn; không có nợ chung.

Tuy nhiên, nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý được ly hôn nhưng phải chia tài sản chung là 01 căn nhà ở huyện Đ.

Tại B ản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 154/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị H;

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Thái B.

2. Về con chung: Không có con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ: Đương sự xác định không có tài sản chung, công nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Trong hạn luật định vào ngày 24/12/2018, anh B có đơn kháng cáo không đồng ý ly hôn với chị H và yêu cầu chia tài sản chung.

Qua phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Thái B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 154/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Còn về việc chia tài sản chung thì anh B hoặc chị H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu có tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Thái B không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị H và anh B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An vào ngày 01/10/2013 nhưng đến nay chưa có con chung. Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền địa phương vào ngày 09/7/2018, tại nơi cư trú của anh B và chị H thì được biết vợ chồng anh B, chị H thường xảy ra mâu thuẫn nhưng không rõ nguyên nhân. Theo lời trình bày của chị H thì chị hay đi làm xa nhà, ít có thời gian gần gũi và chia sẽ với anh B, tính tình của hai người không hoà hợp, hay bất đồng quan điểm sống nên chị cương quyết ly hôn với anh B. Còn anh B thì cho rằng, nếu chị H cương quyết xin ly hôn với anh thì anh đồng ý được ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã kéo dài và ngày càng trầm trọng, sống ly thân từ năm 2016 đến nay, cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng không thể tiếp tục tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của anh B.

[2]. Ngoài ra, anh B kháng cáo cho rằng, anh và chị Bình có tài sản chung là một căn nhà ở huyện Đ mua sau khi cưới nhau nhưng chưa được Tòa án xem xét, giải quyết, thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh B không tham gia tố tụng, đồng thời anh B và chị H cũng không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về tài

sản chung nên không thuộc phạm vi giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm. Theo quy định tại Điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp phúc thẩm trực tiếp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị"*. Do vậy, nếu anh B và chị H có tài sản chung kể cả nợ chung và có tranh chấp thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau ly hôn bằng một vụ án dân sự khác.

[3]. Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm có nhận định như Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Thái B – Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 154/2018/HNGĐ-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

[2]. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị H;

Chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thái B.

[3]. Về con chung: Không có con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Nếu có tài sản chung, nợ chung thì đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[5]. Về án phí phúc thẩm:

Anh Nguyễn Thái B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền anh B đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0011620 ngày 26/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, anh B đã nộp xong tiền án phí phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr